TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 28-4-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền ;

2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2019/TLST - DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ trụ sở: Số 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đặng – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Vi Sơn, sinh năm 1978 – Trưởng phòng giao dịch Châu Đốc - Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 104/2020/UQ-HDBANK-GĐ.TTXLN ngày 24/3/2020).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1971; Địa chỉ: khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Bà Phan Thị Diễm T, sinh năm 1971;

Địa chỉ ĐKHKTT: phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Địa chỉ tạm trú: Số 489, tổ 2, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang

Ông Sơn, ông K có mặt; bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, ý kiến đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Châu Đốc ký kết với ông K và bà T Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0171/17/HĐTDHM-CN/2019 ngày 27/4/2017 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0171/17/HĐTDHM-CN/209/PL- 03 ngày 17/5/2018, theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 18/5/2017 ông K, bà T vay 470.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 19/5/2018 đến ngày 18/5/2019), lãi suất 11%/năm cố định trong 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần với mức LS13 + 5%/năm, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm; mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi; phương thức thanh toán: trả nợ gốc vào ngày 18/5/2019, kỳ hạn trả lãi 06 tháng /lần vào ngày 10 của tháng, ngày trả đầu tiên ngày 10/11/2018.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 27/4/2017 ông K, bà T ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0171/17/HĐBĐ -209 ngày 27/4/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0171/17/HĐBĐ -209/PL-03 ngày 17/5/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 200m^2, thửa 78, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ số 20/4, Trần Hưng Đạo, tổ 5, khóm 4, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04862aE do Ủy ban nhân dân thị xã (thành phố) Châu Đốc cấp ngày 23/7/2008 cho ông K, bà T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi , đến hạn không thanh toán gốc theo thỏa thuận nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K, bà T có trách nhiệm trả số nợ tạm tính đến ngày 19/8/2019 là 522.661.628 đồng (trong đó vốn gốc 470.000.000đồng và nợ lãi 52.661.628 đồng tính đến ngày 19/8/2019), đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 20/8/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc với lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng;

Trường hợp ông K, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp. Tại bản tự khai đại diện cho ngân hàng xác định lại yêu cầu: Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0171/17/HĐBĐ -209 ngày 27/4/2017

và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0171/17/HĐBĐ -209/PL-03 ngày 17/5/2018 để đảm bảo nghiã vụ trả nợ của ông K, bà T.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0171/17/HĐBĐ-209 ngày 27/4/2017;

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0171/17/HĐBĐ-209/PL-03 ngày 17/5/2018;

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 27/4/2017;

- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 18/5/2018;

- Giấy ủy quyền số 368/2019/UQ-HDBANK-GĐ.TTXLN ngày 09/9/2019;

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 017/17/HĐTDHM-CN/209 ngày 27/4/2017;

- Giấy chứng nhận QSDĐ số H04862aE cấp ngày 23/7/2008 mang tên Phan Thị Diễm T, Nguyễn Văn K, hồ sơ kỹ thuật khu đất và trang bổ sung giấy chứng nhận ;

- Quyết định ủy quyền số 272/2019/QĐ-TGĐ ngày 21/02/2019 của ông Nguyễn Hữu Đặng, Giấy ủy quyền số 104/2020/UQ-HDBANK-GĐ.TTXLN ngày 24/03/2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;

- Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh;

- Chi tiết tiền lãi vay đến ngày 19/8/2019.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Diễm T: Ông K, bà T xác định có ký kết hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng với ngân hàng để vay tiền và ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và phụ lục hợp đồng như ngân hàng trình bày. Thống nhất về thời gian vay, lãi suất vay, mục đích vay, phương thức thanh toán trả nợ gốc và lãi. Tuy nhiên, quá trình vay chỉ đóng lãi được 03 tháng thì ngưng do làm ăn thua lỗ dẫn đến không thanh toán đầy đủ như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ông K, bà T thừa nhận còn nợ lại vốn gốc là 470.000.000đồng và tiền lãi. Thống nhất và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện trả nợ của ngân hàng nhưng xin thời gian nhận tiền đền bù, giải tỏa tài sản tại khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ. Do bận công việc xin vắng mặt không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa.

Tòa án không tiến hành hòa giải do ông K, bà T vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng ông Đỗ Vi Sơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông K, bà T phải thanh toán cho ngân hàng vốn gốc 470.000.000 đồng, tiền lãi 115.342.328 đồng (tính từ ngày 12/11/2018 đến ngày 28/4/2020) và tiền lãi phát sinh sau ngày 28/4/2020 với mức lãi suất theo thỏa thuận; đồng thời duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông K, bà T.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn K thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản là quyền sử dụng của vợ chồng để vay 470.000.000 đồng và còn nợ vốn, lãi như đại diện ngân hàng trình bày, xin ngân hàng giảm lãi và cho thời gian đến khi nhận tiền đền bù tài sản khác sẽ thanh toán nợ.

- HĐXX công bố lời khai bà T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn bà T vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là có căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Giữa ngân hàng và ông K, bà T có ký kết hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản theo đó ngân hàng giải ngân cho ông K, bà T vay 470.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích chăn nuôi, lãi suất 11%/ năm cố định trong 6 tháng, sau đó điều chỉnh 3 tháng một lần . Quá trình thực hiện hợp đồng ông K, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận nên ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn, phạt quá hạn trả lãi. Tại biên bản làm việc ông K, bà T thừa nhận nợ vốn và lãi như ngân hàng trình bày, việc làm ăn thua lỗ không thanh toán nợ đúng hạn, xin ngân hàng cho thêm thời gian và giảm lãi đến khi nhận tiền.

Việc thỏa thuận vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, các bên thống nhất nội dung hợp đồng đã thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất cũng như số tiền còn nợ. Ông K, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả vốn gốc 470.000.000 đồng, tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký kết và duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực

hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận được quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đối với việc ông K, bà T xin thêm thời gian và giảm lãi không được ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Thẩm quyền*: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông K, bà T có nơi cư trú số 8/46 (nay là số 489), tổ 2, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang và hợp đồng được ký kết tại thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn bà T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) và ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Diễm T được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn vay và tiền lãi: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và đề nghị giải ngân, kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/5/2018 giữa ngân hàng và ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Diễm T, lời khai đại diện theo ủy quyền cùng biên bản ghi lời khai bà T ngày 10/12/2019 và lời khai ông K tại phiên tòa, đều xác định vốn vay là 470.000.000 (Bốn trăm bảy mươi triệu) đồng.

Theo ông K và bà T trình bày, quá trình vay đã thanh toán được một phần tiền lãi là 03 tháng, tuy nhiên đại diện ngân hàng xác định phía bị đơn đã trả lãi được 14.073.782 đồng tính đến ngày 12/11/2018. Tại phiên tòa ông K cùng thống nhất với ngân hàng tiền lãi đã đóng đến ngày 12/11/2018 nên thời điểm và số tiền trả lãi được xác định theo lời khai của đại diện cho ngân hàng.

Do ông K, bà T vi phạm nghĩa vụ trả lãi và trả vốn khi đến hạn nên ngân hàng yêu cầu trả vốn và tính lãi kể từ ngày 12/11/2018 cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và không vượt quá giới hạn quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, theo bảng kê chiết tính lãi suất do ngân hàng cung cấp tính đến ngày xét xử, cụ thể:

Tiền lãi trong hạn của các kỳ chưa trả:

- Từ ngày 12/11/2018 đến ngày 19/11/2018: Vốn 470.000.000 đồng x 7 ngày (11%/365ngày) = *991.507 đồng*;

- Từ ngày 19/11/2018 đến ngày 18/02/2019: Vốn 470.000.000 đồng x 91 ngày x (12,2%/365 ngày) = *14.295.726 đồng;*

- Từ ngày 18/02/2019 đến ngày 17/5/2019: Vốn 470.000.000 đồng x 88 ngày x (12,4%/365ngày) = *14.051.069 đồng*.

Cộng: 29.338.300 đồng.

Lãi phạt quá hạn: Từ ngày 17/5/2019 đến ngày 28/4/2020: Số ngày quá hạn 347 ngày x (18,6%/365 ngày) x 470.000.000 đồng = *83.108.877 đồng*.

Lãi phạt quá hạn trả lãi : 2.895.151 đồng.

Tổng cộng: 115.342.328 đồng.

[5] Buộc ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Diễm T phải có trách nhiệm trả vốn gốc và tiền lãi cho ngân hàng:

- Tiền lãi: 115.342.328 (Một trăm mười lăm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm hai mươi tám) đồng (tính từ ngày12/11/2018 đến ngày 28/4/2020).

- Nợ gốc: 470.000.000 (Bốn trăm bảy mươi triệu) đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Về phương thức thanh toán ông K và bà T yêu cầu ngân hàng cho thêm thời gian nhận tiền đền bù sẽ trả toàn bộ khoản nợ nhưng không xác định cụ thể thời gian trả nợ, phía ngân hàng không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về tài sản thế chấp, để đảm bảo cho khoản vay:

Ông K và bà T và đại diện ngân hàng thống nhất các bên có ký kết:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0171/17/HĐBĐ-209 ngày 27/4/2017;

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0171/17/HĐBĐ-209/PL-03 ngày 17/5/2018;

Hợp đồng thế chấp và sửa đổi bổ sung được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công Trứ, có chứng nhận của Cơ quan đăng ký thế chấp, cũng như biên bản ghi lời khai của ông K, bà T thể hiện tài sản thế chấp hiện do vợ chồng đang quản lý. Xét chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông K, bà T.

[6] Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn có trách nhiệm trả vốn và lãi tổng cộng 585.342.328 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.414.000 đồng theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Diễm T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- Tiền lãi: 115.342.328 đồng (Một trăm mười lăm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm hai mươi tám) đồng (tính từ ngày 12/11/2018 đến ngày 28/4/2020).

- Nợ gốc: 470.000.000 (Bốn trăm bảy mươi triệu) đồng .

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

- Duy trì hợp đồng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0171/17/HĐBĐ-209 ngày 27/4/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0171/17/HĐBĐ-209/PL-03 ngày 17/5/2018 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Diễm T với Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch Châu Đốc để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông K, bà T.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Diễm T phải chịu 27.414.000 (Hai mươi bảy triệu bốn trăm mười bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền 12.453.000 (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2017/0003431 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Phan Thị Diễm T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Phạm Thị Bích Thủy